

Số: **23** /2013/TT-NHNN

Hà Nội, ngày **19** tháng 11 năm 2013

THÔNG TƯ

Quy định việc các tổ chức tín dụng nhà nước duy trì số dư tiền gửi tại Ngân hàng Chính sách xã hội

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 96/2008/NĐ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chính sách tiền tệ,

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư quy định việc các tổ chức tín dụng nhà nước duy trì số dư tiền gửi tại Ngân hàng Chính sách xã hội.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về việc các tổ chức tín dụng nhà nước duy trì số dư tiền gửi tại Ngân hàng Chính sách xã hội bằng 2% số dư nguồn vốn huy động theo quy định tại khoản 2 Điều 8 của Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các tổ chức tín dụng nhà nước duy trì tiền gửi tại Ngân hàng Chính sách xã hội, bao gồm các ngân hàng thương mại nhà nước và các ngân hàng thương mại cổ phần do nhà nước sở hữu trên 50% vốn điều lệ: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam; Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam; Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam; Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam; Ngân hàng thương mại cổ phần Phát triển nhà đồng bằng sông Cửu Long.

2. Ngân hàng Chính sách xã hội.

Điều 3. Số dư tiền gửi của các tổ chức tín dụng nhà nước duy trì tại Ngân hàng Chính sách xã hội

1. Hằng năm, các tổ chức tín dụng nhà nước có trách nhiệm duy trì số dư tiền gửi tại Ngân hàng Chính sách xã hội bằng 2% số dư nguồn vốn huy động bằng đồng Việt Nam tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm trước.

2. Số dư nguồn vốn huy động bằng đồng Việt Nam của các tổ chức tín dụng nhà nước tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm trước bao gồm: Tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm, phát hành chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu, các hình thức nhận tiền gửi khác của cá nhân, tổ chức (trừ tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài) theo quy định tại khoản 13 Điều 4 Luật Các tổ chức tín dụng; phát hành trái phiếu để huy động vốn từ cá nhân, tổ chức (trừ tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài).

3. Xử lý các trường hợp bổ sung hoặc rút bớt số dư tiền gửi của các tổ chức tín dụng nhà nước tại Ngân hàng Chính sách xã hội như sau:

a) Trường hợp số dư tiền gửi phải duy trì trong năm kế tiếp lớn hơn số dư tiền gửi của năm trước, thì các tổ chức tín dụng nhà nước phải bổ sung số dư tiền gửi bằng số chênh lệch lớn hơn.

b) Trường hợp số dư tiền gửi phải duy trì trong năm kế tiếp nhỏ hơn số dư tiền gửi của năm trước, thì các tổ chức tín dụng nhà nước được rút bớt số tiền gửi bằng với số chênh lệch nhỏ hơn hoặc tiếp tục duy trì số dư tiền gửi của năm trước.

Điều 4. Lãi suất tiền gửi bằng đồng Việt Nam của các tổ chức tín dụng nhà nước tại Ngân hàng Chính sách xã hội

1. Lãi suất tiền gửi bằng đồng Việt Nam được xác định như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Lãi suất tiền gửi bằng} \\ \text{đồng Việt Nam của} \\ \text{các tổ chức tín dụng} \\ \text{nước tại Ngân} \\ \text{hàng Chính sách xã} \\ \text{hội (\%/năm)} \\ \text{(a)} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Lãi suất huy động} \\ \text{vốn bằng đồng Việt} \\ \text{Nam bình quân} \\ \text{chung của các tổ} \\ \text{chức tín dụng nhà} \\ \text{nước (\%/năm)} \\ \text{(b)} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Phí huy} \\ \text{động} \\ \text{vốn} \\ \text{(\%/năm)} \\ \text{(c)} \end{array}$$

Trong đó:

(b) Là bình quân chung của lãi suất huy động vốn bằng đồng Việt Nam tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm trước của các tổ chức tín dụng nhà nước, được tính toán theo phương pháp bình quân gia quyền lãi suất các loại nguồn vốn huy động quy định tại khoản 2 Điều 3 Thông tư này.

(c) Là chi phí huy động vốn bình quân do Ngân hàng Chính sách xã hội và các tổ chức tín dụng nhà nước thoả thuận nhưng tối đa là 1,35%/năm.

2. Trường hợp lãi suất huy động vốn của các tổ chức tín dụng nhà nước có sự biến động lớn so với lãi suất tại thời điểm thông báo trước đó, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xem xét điều chỉnh mức lãi suất huy động vốn bằng đồng Việt Nam bình quân chung trên cơ sở đề nghị của tổ chức tín dụng nhà nước hoặc Ngân hàng Chính sách xã hội và thông báo cho các tổ chức tín dụng nhà nước, Ngân hàng Chính sách xã hội làm cơ sở xác định lãi suất tiền gửi trong thời gian còn lại trong năm. Lãi suất huy động vốn bằng đồng Việt Nam bình quân chung điều chỉnh là lãi suất bình quân chung của lãi suất huy động vốn bằng đồng Việt Nam của các tổ chức tín dụng nhà nước tại thời điểm điều chỉnh, được tính theo phương pháp bình quân gia quyền lãi suất các loại nguồn vốn huy động quy định tại khoản 2 Điều 3 Thông tư này.

Đối với năm 2013, trên cơ sở đề nghị của tổ chức tín dụng nhà nước hoặc Ngân hàng Chính sách xã hội, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xác định và thông báo mức lãi suất huy động vốn bằng đồng Việt Nam bình quân chung để làm cơ sở xác định lãi suất tiền gửi của các tổ chức tín dụng nhà nước tại Ngân hàng Chính sách xã hội từ ngày 01/7/2013 đến hết ngày 31/12/2013.

3. Kỳ hạn trả lãi tiền gửi do Ngân hàng Chính sách xã hội thoả thuận với các tổ chức tín dụng nhà nước phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về phương pháp tính, trả lãi.

Điều 5. Quy trình, thủ tục gửi tiền tại Ngân hàng Chính sách xã hội

1. Các tổ chức tín dụng nhà nước mở tài khoản tiền gửi có kỳ hạn tại trụ sở chính Ngân hàng Chính sách xã hội.

2. Năm 2013, các tổ chức tín dụng nhà nước tiếp tục gửi tiền tại Ngân hàng Chính sách xã hội theo hợp đồng và phụ lục đã ký kết với Ngân hàng Chính sách xã hội. Các năm tiếp theo, nếu số dư tiền gửi và lãi suất thay đổi, thì các bên thoả thuận bổ sung bằng phụ lục hợp đồng tiền gửi.

3. Trước ngày 15 tháng 01 hằng năm, các tổ chức tín dụng nhà nước gửi biểu số dư nguồn vốn huy động và lãi suất huy động đối với từng kỳ hạn bằng đồng Việt Nam theo phụ lục 01 kèm theo Thông tư này cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Vụ Chính sách tiền tệ). Trước ngày 31 tháng 01 hằng năm, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Vụ Chính sách tiền tệ) tính toán và thông báo mức lãi suất huy động vốn bằng đồng Việt Nam bình quân chung của các tổ chức tín dụng nhà nước tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm trước cho các tổ chức tín dụng nhà nước và Ngân hàng Chính sách xã hội để làm cơ sở xác định lãi suất tiền gửi trong năm.

4. Trước ngày 15 tháng 01 hằng năm, các tổ chức tín dụng nhà nước gửi biểu xác định số dư tiền gửi trong năm theo phụ lục 02 kèm theo Thông tư này cho Ngân hàng Chính sách xã hội và chịu trách nhiệm về tính chính xác của các số liệu. Chậm nhất là ngày 10 tháng 02 hằng năm, các tổ chức tín dụng nhà nước và Ngân hàng Chính sách xã hội phải hoàn thành việc bổ sung phụ lục hợp đồng tiền gửi và bổ sung hoặc rút bớt số dư tiền gửi theo quy định tại Thông tư này.

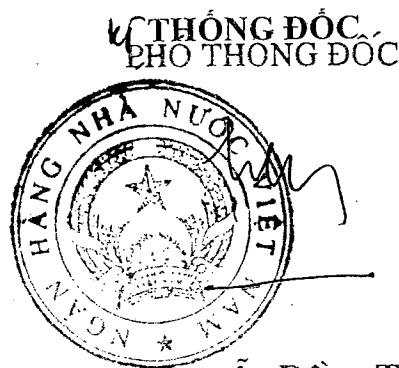
Điều 6. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ~~20~~ tháng ~~11~~ năm 2013. Thông tư số 04/2003/TT-NHNN ngày 24 tháng 02 năm 2003 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn việc các tổ chức tín dụng nhà nước duy trì số dư tiền gửi tại Ngân hàng Chính sách xã hội hết hiệu lực thi hành.

2. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Chính sách tiền tệ và Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc (Giám đốc) các tổ chức tín dụng nhà nước và Ngân hàng Chính sách xã hội chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này. / . 7/06

Nơi nhận:

- Như khoản 2 Điều 6;
- Thủ tướng Chính phủ và các Phó Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Ban lãnh đạo NHNN;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (để kiểm tra);
- Công báo;
- Lưu: VP, PC, Vụ CSTT (4 bản).



Nguyễn Đông Tiến

Tên tổ chức tín dụng nhà nước:.....

PHỤ LỤC 01
BIỂU SỐ DƯ NGUỒN VỐN HUY ĐỘNG VÀ LÃI SUẤT HUY ĐỘNG BẰNG ĐỒNG VIỆT NAM

| STT | Chỉ tiêu | Số dư (triệu đồng) | Lãi suất bình quân (%/năm) | Ghi chú |
|------------|---|-----------------------|----------------------------------|------------|
| I | Tiền gửi | | | |
| 1 | Tiền gửi không kỳ hạn | | | |
| 2 | Tiền gửi có kỳ hạn dưới 6 tháng | | | |
| 3 | Tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng đến dưới 12 tháng | | | |
| 4 | Tiền gửi có kỳ hạn từ 12 tháng trở lên | | | |
| 5 | Tiền gửi vốn chuyên dùng | | | |
| 6 | Tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn | | | |
| 7 | Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn dưới 6 tháng | | | |
| 8 | Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn từ 6 tháng đến dưới 12 tháng | | | |
| 9 | Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn từ 12 tháng trở lên | | | |
| II | Phát hành giấy tờ có giá ngắn hạn | | | |
| 1 | Chứng chỉ tiền gửi ngắn hạn | | | |
| 2 | Kỳ phiếu | | | |
| 3 | Tín phiếu | | | |
| 4 | Giấy tờ có giá ngắn hạn khác | | | |
| III | Phát hành giấy tờ có giá dài hạn | | | |
| 1 | Chứng chỉ tiền gửi dài hạn | | | |
| 2 | Trái phiếu | | | |
| 3 | Giấy tờ có giá dài hạn khác | | | |

Người lập biểu

Kiểm soát

....., ngày tháng năm
Người đại diện hợp pháp của tổ
chức tín dụng nhà nước
(Ký tên, đóng dấu)

1. Đơn vị nhận báo cáo: Vụ Chính sách tiền tệ - NHNN (email: laisuatnhnn@gmail.com; laisuat_cstt@sbv.gov.vn; fax: 0438240132).
2. Thời gian gửi báo cáo: Trước ngày 15 tháng 01 hằng năm.
3. Ghi họ tên và số điện thoại của người lập biểu để trả lời các vấn đề tại báo cáo.
4. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị liên hệ qua số điện thoại: 04.38268782.
5. Việc thống kê tiền gửi, phát hành giấy tờ có giá theo chế độ báo cáo thống kê hiện hành của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. *206*

Tên tổ chức tín dụng nhà nước :

PHỤ LỤC 02
BIỂU XÁC ĐỊNH SỐ DƯ TIỀN GỬI TRONG NĂM ...
TẠI NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI

| STT | Nội dung | Số dư (triệu đồng) | Ghi chú |
|-----|--|-----------------------|---------|
| 1 | Số dư nguồn vốn huy động bằng đồng Việt Nam đến 31/12 năm trước | | |
| 1.1 | Tiền gửi | | |
| 1.2 | Phát hành giấy tờ có giá ngắn hạn | | |
| 1.3 | Phát hành giấy tờ có giá dài hạn | | |
| 2 | Tỷ lệ tiền gửi 2% | | |
| 3 | Số dư tiền gửi tại Ngân hàng Chính sách xã hội trong năm... (3 = 1 * 2%) | | |
| 4 | Số dư tiền gửi tại Ngân hàng Chính sách xã hội đến 31/12 năm trước | | |
| 5 | Chênh lệch số dư tiền gửi mà tổ chức tín dụng nhà nước phải bổ sung hoặc rút bớt (5=3-4) | | |

Người lập biểu

Kiểm soát

....., ngày tháng năm

Người đại diện hợp pháp của tổ
chức tín dụng nhà nước
(Ký tên, đóng dấu)

1. Đơn vị nhận báo cáo: Ngân hàng Chính sách xã hội
2. Thời gian gửi báo cáo: Trước ngày 15 tháng 01 hàng năm.
3. Ghi họ tên và số điện thoại của người lập biểu để trả lời các vấn đề tại báo cáo.
4. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị liên hệ qua số điện thoại: 04.38268782.
5. Việc thống kê tiền gửi, phát hành giấy tờ có giá theo chế độ báo cáo thống kê hiện hành của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.